TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29-8-2025
V/v *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Chánh – Cán bộ hưu trí.
2. Bà Thiều Thị Phi Loan – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tôn Hoài Anh Tuyển – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Như Nên – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1265/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: 43B, tổ 93, khu phố 13, phường H, thành phố B (nay là phường L), tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Ông Trịnh Thanh N, sinh năm 1997.

Địa chỉ: 81/5/24A, khu phố 11, phường T, thành phố B (nay là phường T), tỉnh Đồng Nai.

(Bà Trang có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyên vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ - Nguyên đơn bà Đặng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trang và ông Trịnh Thanh N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2020, tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B (nay là phường T), tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống quá nhiều. Bà Trang nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trịnh Thanh N.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà Trang và ông Nguyên có 01 con chung là cháu Trịnh Đặng M, sinh ngày 25/5/2020. Khi ly hôn, bà Trang xin được nuôi con, tạm thời không yêu cầu ông Trịnh Thanh N phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Trịnh Thanh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết, Tòa án đã xác định đúng theo quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn chấp hành không đúng. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật.

Về giải quyết tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà Đặng Thị T được ly hôn với ông Trịnh Thanh N.

- Về con chung: Quá trình chung sống, bà Trang và ông Nguyên có 01 con chung là cháu Trịnh Đặng M, sinh ngày 25/5/2020. Khi ly hôn, giao cho bà Trang được nuôi cháu M, tạm thời ông Nguyên không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Trang không có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Theo bà Trang khai, bà và ông Nguyên không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng do Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của ông Nguyên về tài sản chung và nợ chung nên sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

- Về án phí: Bà Đặng Thị T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bà Đặng Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trịnh Thanh N; Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp ly hôn". Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà Trang là nguyên đơn, ông Nguyên là bị đơn trong vụ án.

- Theo Biên bản xác minh ngày 25/6/2025 tại Công an phường T (nay là Công an phường T) thì có căn cứ để xác định: Hiện nay, ông Trịnh Thanh N đang cư trú tại địa chỉ: 81/5/24A, khu phố 11, phường T, thành phố B (nay là phường T), tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Nai.

- Ngày 08/8/2025, bà Đặng Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đồng Nai cũng đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là ông Trịnh Thanh N để tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng ông Nguyên vắng mặt không có lý do. Vì vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trang và ông Trịnh Thanh N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2020, tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B (nay là phường T), tỉnh Đồng Nai. Do đó, cần áp dụng các quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Bà Trang và ông Nguyên chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống quá nhiều, đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không thể, đến nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể kéo dài. Xét yêu cầu ly hôn của bà Trang là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Theo biên bản xác minh ngày 25/6/2025 tại Ủy ban nhân dân phường T (nay là phường T) thể hiện về mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Trang và ông Nguyên thì địa phương không rõ do các đương sự không trình báo. Tuy nhiên, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Nguyên để hòa giải đoàn tụ nhưng ông Nguyên đều vắng mặt không lý do, không có động thái tích cực để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng. Như vậy, thể hiện việc mâu thuẫn trong tình cảm giữa bà Trang và ông Nguyên là có thật, vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà Trang được ly hôn với ông Nguyên.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Trang và ông Nguyên có 01 con chung là cháu Trịnh Đặng M, sinh ngày 25/5/2020. Khi ly hôn, bà Trang xin

được nuôi cháu M, tạm thời không yêu cầu ông Nguyên phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, cháu M cũng đang sinh sống cùng bà Trang, cháu còn nhỏ nên cần có sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Ngoài ra, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông Nguyên thể hiện yêu cầu này của bà Trang nhưng ông Nguyên không có ý kiến phản đối. Do đó, để ổn định về việc học tập và sinh hoạt, cũng như sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần cho cháu, Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Trang, giao cháu M cho bà Trang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông Nguyên không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Trang không có yêu cầu.

Ông Nguyên được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Theo bà Trang khai, bà và ông Nguyên không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng do Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của ông Nguyên về tài sản chung và nợ chung nên sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Đặng Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6] Lời phát biểu của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 19, 53, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị T: Bà Đặng Thị T được ly hôn với ông Trịnh Thanh N.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà Trang và ông Nguyên có 01 con chung là cháu Trịnh Đặng M, sinh ngày 25/5/2020. Khi ly hôn, giao cho bà Trang được nuôi cháu M, tạm thời ông Nguyên không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Trang không có yêu cầu.

Ông Nguyên được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Theo bà Trang khai, bà và ông Nguyên không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng do Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của ông Nguyên về tài sản chung và nợ chung nên sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đặng Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0007228 ngày 29/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà Đặng Thị T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bà Đặng Thị T và ông Trịnh Thanh N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai;
- THA dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

Nguyễn Thị Hoàng Phương